HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2023/NQ-HĐND	*Quảng Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về việc quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015; Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ Quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 3255/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 157/BC-HĐND ngày 23/11/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận, biểu quyết thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

1. Mức thu, đơn vị tính phí:

Số TT	Loại khoáng sản Quặng khoáng sản kim loại	Đơn vị tính (tấn/m^3 khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng)	
			Áp dụng đến 31/12/2025	Áp dụng từ 01/01/2026
I	**Quặng Khoáng sản kim loại**			
1	Quặng ăng-ti-moan (antimon)	Tấn	50.000	50.000
II	**Khoáng sản không kim loại**			
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m^3	2.000	2.000
2	Đá, sỏi			
2.1	Sỏi	m^3	7.500	9.000
2.2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m^3	7.500	7.500
3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m^3	6.750	6.750
4	Cát vàng	m^3	6.000	7.500
5	Cát trắng	m^3	9.000	10.500
6	Các loại cát khác	m^3	4.500	6.000
7	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m^3	2.625	3.000
8	Đôlômít (dolomit), quắc-zít (quartzit)	m^3	45.000	45.000
9	Cao lanh	Tấn	5.000	5.800
10	Than gồm: - Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò - Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên - Than nâu, than mỡ - Than khác	Tấn	10.000	10.000
11	Các loại đất khác	m^3	2.000	2.000
12	Nước khoáng thiên nhiên	m^3	3.000	3.000
13	Các khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000	30.000

2. Đối với khoáng sản tận thu phải đảm bảo theo đúng quy định. Mức thu phí và đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản tận thu bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại mức thu phí ban hành Nghị quyết này.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh, quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát tổng thể các khoản phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định của Trung ương, tình hình thực tế tại địa phương.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- Các bộ: Tư pháp; Tài chính; Tài nguyên MT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm truyền thông tin; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ8.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Xuân Ký